

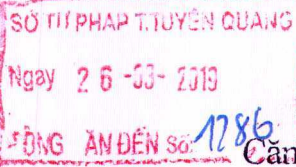
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 436 /SNN-PTNT

V/v đề nghị thẩm định dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị quyết của HĐND tỉnh

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2019



Kính gửi: Sở Tư pháp

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021;

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021.

Để thực hiện các nội dung xây dựng văn bản theo đúng quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Tư pháp thẩm định văn bản dự thảo trên.

(Có dự thảo kèm theo)

Các tài liệu khác kèm theo gồm:

1. Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết.
2. Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.
3. Một số văn bản liên quan.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Tư pháp quan tâm, giúp đỡ./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Như trên (Thẩm định);
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các Chi cục: PTNT, KL;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Đại Thành

Số: /2019/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày ... tháng ... năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Bổ sung nội dung quy định tại Khoản 1:

“- Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp (đối với nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm)”.

2. Sửa đổi nội dung hỗ trợ đối với cây mía quy định tại Mục 3 Phụ lục 1.
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ đối với con cá quy định tại Mục 5 Phụ lục 1 và Mục 3 Phụ lục 2.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Sửa đổi Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021, như sau:

Sửa đổi Tiết a Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 1:

“a) Có từ 0,3 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất”.

Điều 3. Những nội dung không sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PT và TH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRỒNG MÍA VÀ NUÔI CÁ ĐẶC SẢN
(Kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. HỖ TRỢ 01 LẦN LÃI SUẤT TIỀN VAY						
STT	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay
1	Hỗ trợ đầu tư trồng mới, trồng lại cây mía	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ trồng mía ký hợp đồng phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy đường; - Quy mô diện tích \geq 0,2 ha/hộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Định mức cho vay 40 triệu đồng/ha; - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ. 	12 tháng (1 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	100%
2	Hỗ trợ nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Tổng dung tích lồng nuôi $\geq 18m^3$ 	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa: <ul style="list-style-type: none"> - Hộ nghèo, hộ cận nghèo: 50 triệu đồng/hộ (hộ cận nghèo không có dư nợ tại ngân hàng chính sách, đủ điều kiện vay tại ngân hàng thương mại được vay mức tối đa có hỗ trợ lãi suất 200 triệu đồng/hộ); - Hộ khác: 200 triệu đồng/hộ 	36 tháng (3 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.

3	Hỗ trợ nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cá đặc sản chiếm $\geq 50\%$ tổng dung tích lồng nuôi của hộ gia đình; - Quy mô: $\geq 100\text{m}^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên sông); $\geq 500\text{m}^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên hồ thủy điện). 	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 1.000 triệu đồng/hộ	36 tháng (3 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	70%
---	---	--	---	------------------	---	-----

II. HỖ TRỢ 01 LẦN

STT	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ	Mức hỗ trợ 01 lần
1	Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cá đặc sản chiếm $\geq 50\%$ tổng dung tích lồng nuôi của hộ gia đình; - Quy mô: $\geq 100\text{m}^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên sông); $\geq 500\text{m}^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên hồ thủy điện). 	Tối đa 365 triệu đồng/sản phẩm

Số: 43/TTr-SNN

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021, như sau:

I. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chính sách

1. Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Trong những năm gần đây, việc xây dựng nhãn hiệu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp đã và đang được người dân trên địa bàn tỉnh quan tâm; nhiều sản phẩm nông nghiệp của tỉnh đã được cấp nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký chất lượng sản phẩm và tăng cường quảng bá trong và ngoài tỉnh. Tính đến hết năm 2018, toàn tỉnh đã có 42 sản phẩm nông nghiệp được đăng ký nhãn hiệu hàng

hóa, như: Cam sành Hàm Yên, Bưởi Xuân Vân, Gạo chất lượng cao Kim Phú, Gạo đặc sản Tân Trào, Miến dong Hợp Thành, Lạc Chiêm Hóa, Vịt bầu Minh Hương, Mật ong Tuyên Quang, Chè shan Kia Tăng Hồng Thái, Chè Ngân Sơn Trung Long, Chè Tân Thái 168,... Đây là xu thế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa của tỉnh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Tuyên Quang. Do đó, đây là nội dung cần thiết khuyến khích, hỗ trợ người dân thực hiện.

Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã quy định nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm (*theo tiết d điểm 3.2 khoản 3 điều 1*). Tuy nhiên, nội dung này mới chỉ áp dụng được đối với những sản phẩm của 03 cây (*cây chè đặc sản, cây cam sành, cây mía*) và 02 con (*con trâu, con cá*) trong khi người dân còn có nhu cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa khác. Do đó, cần thiết bổ sung nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm áp dụng đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế.

Cây mía là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh; tỉnh hiện có 02 nhà máy đường (thuộc Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương) đã tạo ra vùng nguyên liệu mía đường trên 8.000 ha, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động nông thôn, tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Trong những năm qua, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với cây mía vẫn chưa phát huy được hiệu quả, số hộ trồng mía được hưởng lợi rất ít; nguyên nhân chính do diện tích trồng mía rất manh mún, trong khi chính sách chỉ hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư mua giống trồng mới. Hiện nay, cùng với sự khủng hoảng chung của ngành mía đường, Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương đang gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm, do đó ảnh hưởng đến các chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu của công ty. Chính vì vậy, để góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt của ngành mía đường của tỉnh, đồng thời khuyến khích người dân tiếp tục đầu tư trồng mới, trồng lại cây mía tạo vùng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy đường, cần thiết phải sửa đổi chính sách cho vay đối với cây mía.

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình mưa bão, lũ lụt xảy ra thường xuyên và diễn biến phức tạp; đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của tỉnh. Thực tế hiện nay, nhiều hộ gia đình nuôi cá đặc sản bằng lồng, bè trên sông tại một số nơi thuộc khu vực thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn đang sử dụng lồng nuôi có kích cỡ nhỏ và đã hạn chế được thiệt hại khi mùa mưa bão. Tuy nhiên, chính sách quy định tại Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ hỗ trợ đối với lồng nuôi có kích thước 9 - 12m³. Do vậy, để phù hợp với tình hình thực tế, cần sửa đổi kích cỡ lồng nuôi khi quy định về điều kiện cho vay của chính sách.

Phát huy lợi thế, tiềm năng diện tích mặt nước ở các hồ thủy lợi, hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh, những năm gần đây hoạt động nuôi cá đặc sản bằng lồng đang phát triển mạnh. Hiện nay, cá đặc sản đang mang lại giá trị kinh tế cao,

được thị trường ưa chuộng nên được xác định là hướng phát triển kinh tế chủ lực của nhiều địa phương. Chính sách quy định tại Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh là một trong những giải pháp quan trọng tạo đà cho hoạt động nuôi cá đặc sản bằng lồng phát triển. Nhằm khuyến khích người dân nuôi cá đặc sản theo hướng hàng hóa tập trung, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm đồng thời góp phần bảo vệ môi trường; cần thiết bổ sung nội dung chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay và chi phí đánh giá cấp Giấy chứng nhận nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo VietGAP (trong đó cá đặc sản là loài nuôi chủ yếu).

2. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

Với chủ trương xác định lâm nghiệp là mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh; đồng thời cây gỗ rừng trồng cũng chính là một trong những sản phẩm chủ lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao chính là một trong những giải pháp quan trọng để hỗ trợ người dân trồng rừng. Tuy nhiên, trên thực tế, diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình đang quản lý, sử dụng khá nhỏ lẻ, manh mún, không đủ diện tích 0,5 ha như quy định của Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Do đó, khi triển khai thực hiện, nhiều hộ gia đình không đủ điều kiện để được hưởng chính sách.

Mặt khác, theo quy định tại điểm 3, điều 2, Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (Luật số 16/2017/QH14) quy định rừng có diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên.

Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho nhiều hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách, đồng thời phù hợp với quy định hiện nay về rừng, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung diện tích đất lâm nghiệp tối thiểu để được tham gia thực hiện chính sách.

II. Quá trình xây dựng và nội dung chính đề nghị sửa đổi, bổ sung

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và PTNT được giao chủ trì soạn thảo dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện cơ chế, chính sách trong thời gian qua; kết quả kiểm tra tình hình thực tế về thực hiện chính sách tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh và ý kiến kiến nghị, đề xuất của UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan. Sở Nông nghiệp và PTNT đã dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh. Sau khi xây dựng dự thảo, Sở Nông nghiệp và PTNT đã gửi văn bản lấy ý kiến tham gia của UBND các huyện, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hội Nông dân tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh; đồng thời tiếp thu ý kiến tham gia trực tiếp của các đại biểu (lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo

các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố) tại cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 19/3/2019.

2. Nội dung chính đề nghị sửa đổi, bổ sung

2.1. Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Bổ sung Phạm vi điều chỉnh: Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp đối với nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

b) Sửa đổi nội dung hỗ trợ đối với cây mía quy định tại Mục 3 Phụ lục 1.

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ đối với con cá quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

2.2. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

Sửa đổi Điều kiện hỗ trợ: Có từ 0,3 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến để đơn vị soạn thảo tiếp tục bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Kính trình);
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các Chi cục: PTNT; TS, KL;
- Phòng KH-TC; VP Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Việt

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VỀ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2014/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
1	Hội Nông dân tỉnh	<p>Chỉnh sửa một số nội dung về thể thức văn bản.</p> <p>1. Đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND: - Đề nghị không bổ sung vào phạm vi điều chỉnh nội dung Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp (<i>đối với nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm</i>) vì đã được quy định tại mục 3.2 điểm d Chính sách hỗ trợ đầu tư và phụ lục 2 ban hành theo Nghị quyết số 12. - Nhất trí sửa đổi, bổ sung nội dung chính sách đối với con cá.</p> <p>2. Đối với dự thảo sửa đổi Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐND: Nhất trí với dự thảo.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì dự thảo chỉ bổ sung nội dung Phạm vi điều chỉnh để triển khai được nội dung chính sách quy định tại mục 3.2 điểm d Chính sách hỗ trợ đầu tư và phụ lục 2 ban hành theo Nghị quyết số 12; dự thảo không sửa đổi, bổ sung nội dung chính sách này.</p>	Ý kiến tại Văn bản số 168-CV/HNDT ngày 15/3/2019
2	Sở Tài chính	<p>- Nhất trí với nội dung dự thảo.</p> <p>- Đề nghị xem xét xây dựng dự kiến khái toán kinh phí thực hiện khi sửa đổi, bổ sung Nghị quyết.</p>	Nhất trí tiếp thu (đã bổ sung tại Báo cáo).	Ý kiến tại Văn bản số 259/STC-QLNS ngày 14/3/2019 và ý kiến trực tiếp tại cuộc họp.

3	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Đề nghị xem xét sửa đổi chính sách hỗ trợ đối với cây mía	Nhất trí tiếp thu bổ sung	Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bổ sung đánh giá hiệu quả của chính sách. - Tập trung hỗ trợ phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, không hỗ trợ tràn lan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhất trí bổ sung (đã bổ sung tại Báo cáo). - Nhất trí với ý kiến; không bổ sung thêm danh mục cây trồng, vật nuôi được hỗ trợ theo chính sách. 	Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề nghị xem xét lại quy mô điều kiện hỗ trợ nuôi cá lồng VietGAP, quy mô như dự thảo là cao	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thủy sản. Để tạo ra sản phẩm hàng hóa tập trung, đồng thời nâng cao được giá trị, chất lượng, giá thành sản phẩm thì quy mô sản xuất cần đảm bảo tối thiểu như dự thảo quy định.	Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí với dự thảo		Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp

7	UBND huyện Lâm Bình	Nhất trí với dự thảo		Ý kiến tại Văn bản số 38/CV-PNN ngày 13/3/2019
8	UBND huyện Na Hang	Đề nghị xem xét lại quy mô điều kiện hỗ trợ nuôi cá lồng VietGAP, quy mô như dự thảo là cao	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thủy sản. Để tạo ra sản phẩm hàng hóa tập trung, đồng thời nâng cao được giá trị, chất lượng, giá thành sản phẩm thì quy mô sản xuất cần đảm bảo tối thiểu như dự thảo quy định.	Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
9	UBND huyện Chiêm Hóa	Nhất trí với dự thảo		Ý kiến tại Văn bản số 237/UBND-NLN ngày 14/3/2019 và ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
10	UBND huyện Hàm Yên	Tại Phụ lục, nội dung Hỗ trợ nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi, đề nghị nêu cụ thể mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 200 triệu đồng/hộ.	Nhất trí sửa đổi, bổ sung	Ý kiến tại Văn bản số 361/UBND-NLN ngày 15/3/2019 và ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
11	UBND huyện Yên Sơn	Nhất trí với dự thảo		Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp

12	UBND huyện Sơn Dương	Nhất trí với dự thảo		Ý kiến tại Văn bản số 425/UBND-NLN ngày 15/3/2019 và ý kiến trực tiếp tại cuộc họp
13	UBND thành phố Tuyên Quang	Nhất trí với dự thảo		Ý kiến trực tiếp tại cuộc họp

Số: 84/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021, như sau:

PHẦN I

Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND và chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND

1. Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1.1. Kết quả thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách đến với người dân. Kết quả như sau:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng và ban hành Hướng dẫn liên ngành số 1728/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN ngày 15/9/2014 về hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn liên ngành số 1728/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN ngày 15/9/2014 (ban hành tại Hướng dẫn liên ngành số 1404/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN ngày 06/7/2015). Năm 2018, tiếp tục xây dựng Hướng dẫn liên ngành thay thế Hướng dẫn liên ngành số 1728/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN ngày 15/9/2014 (hiện các sở, ngành đã thống nhất ký ban hành).

- Chủ trì, phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền về cơ chế, chính sách: Phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức 06 Hội nghị tuyên truyền triển khai nội dung cơ chế, chính sách đối với các đối tượng từ các cơ quan ban ngành cấp huyện đến đại biểu các thôn, xóm. Cấp phát 1.612 bộ tài liệu về nội dung cơ chế, chính sách và Hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách cho các thôn, bản, xóm, tổ nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Phối hợp với Báo Tuyên Quang đăng tải nội dung cơ chế, chính sách trên Báo Tuyên Quang để tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

- Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng Đề án phát triển cây chè đặc sản; Kế hoạch phát triển vùng mía nguyên liệu, phát triển đàn trâu và phát triển thủy sản thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Thực hiện thẩm định đối với dự thảo Kế hoạch, Đề án thực hiện cơ chế, chính sách của các huyện: Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Na Hang, Yên Sơn, Sơn Dương để UBND các huyện làm căn cứ phê duyệt triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh ký kết Chương trình phối hợp triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan bàn biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung nguồn kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh; kịp thời đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng của ngành thường xuyên hướng dẫn, khuyến cáo người nông dân sử dụng giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo đủ tiêu chuẩn; tăng cường hướng dẫn kỹ thuật trong sản xuất.

- Thường xuyên đôn đốc các huyện, thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khẩn trương thực hiện thẩm định và giải ngân vốn vay, giải ngân hỗ trợ lãi suất cho các hộ gia đình.

- Đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cơ chế, chính sách định kỳ hàng quý, 6 tháng và theo yêu cầu; đề xuất, kiến nghị giải quyết khó khăn, vướng mắc nếu có.

Tính đến hết năm 2018, đã giải ngân thực hiện chính sách với tổng số tiền 195.668,3 triệu đồng/3.905 hộ. Cụ thể:

- Con trâu: 177.544,0 triệu đồng/3.590 hộ;
- Cây mía: 81,0 triệu đồng/08 hộ;
- Cây cam sành: 4.367,3 triệu đồng/164 hộ;
- Cây chè đặc sản: 50,0 triệu đồng/01 hộ;
- Con cá: 13.548,0 triệu đồng/141 hộ;
- Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm: 98,0 triệu đồng/01 hộ.

Đã thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ đầu tư với tổng số tiền 21.316,46 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo)

1.2. Hiệu quả của chính sách

Sau một thời gian triển khai thực hiện, cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa của tỉnh đã được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và từng bước đi vào cuộc sống. Việc hỗ trợ kịp thời thông qua cơ chế, chính sách đã khuyến khích, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ các loài cây trồng, vật nuôi tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đồng thời đã giúp cho các hộ gia đình vượt qua những khó khăn trong sản xuất.

Chính sách vay vốn có hỗ trợ lãi suất đã tạo nhiều thuận lợi cho nhân dân mở rộng quy mô sản xuất, phát triển kinh tế; góp phần nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Việc thực hiện chính sách đã góp phần phát triển mạnh hoạt động nuôi trồng thủy sản. Cơ cấu giống thủy sản đã có những chuyển biến tích cực, nuôi các loài cá truyền thống bằng lồng đã chuyển dịch dần sang nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao (cá Chiên, cá Bống, cá Lăng...). Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất mang lại hiệu quả được nhân rộng như: Mô hình nuôi cá Quả, cá Lăng nha trên hồ thủy điện; mô hình nuôi cá Lăng chấm thương phẩm trong ao; mô hình nuôi cá Chiên bằng lồng trên sông Lô - Gâm; mô hình nuôi cá Tầm thương phẩm trên hồ thủy điện.

Từ nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi suất của chính sách, nhiều hộ đã mạnh dạn đầu tư thêm lồng nuôi, mở rộng quy mô sản xuất góp phần nâng tổng số lồng nuôi cá trên địa bàn tỉnh năm 2018 lên 1.941 lồng (*tăng 656 lồng so với năm 2015*), trong đó: nuôi trên hồ thủy điện 1.134 lồng; nuôi trên sông 807 lồng; có 700 lồng nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao. Tỷ lệ lồng nuôi cá đặc sản và cá có giá trị kinh tế cao (Lăng, Chiên, Bống...) tăng từ 23,7% năm 2015 lên 36% năm 2018. Sản lượng cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao tăng

trường bình quân 56,7%/năm, có huyện tăng 89,5%/năm (huyện Na Hang). Sản lượng cá đặc sản năm 2018 đạt 480 tấn (tăng 355 tấn so với năm 2015).

1.3. Nhận xét, đánh giá những khó khăn, tồn tại

a) Cây chè đặc sản

Về nội dung đầu tư trồng mới, trồng lại: Huyện Na Hang đã phê duyệt Đề án phát triển vùng chè đặc sản để làm căn cứ thực hiện chính sách; tuy nhiên kết quả mới chỉ thực hiện cho vay theo chính sách được 50,0 triệu đồng/01 hộ để đầu tư mua máy sao chè; kế hoạch trồng mới 50 ha chè đặc sản theo Đề án không thực hiện được. Dự thảo Đề án phát triển vùng chè đặc sản của huyện Lâm Bình đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, tuy nhiên đến nay UBND huyện vẫn chưa phê duyệt để thực hiện.

Nguyên nhân: Cây chè đặc sản thường tập trung chủ yếu ở ở những địa bàn rất khó khăn về giao thông, nên chi phí lớn, chất lượng sản phẩm sau thu hoạch thấp, do đó người dân chưa thấy hiệu quả kinh tế của việc trồng chè đặc sản nên chưa đăng ký để thực hiện chính sách hỗ trợ. Mặt khác, hiện nay một số diện tích vùng trồng chè tập trung như xã Hồng Thái, Sinh Long, huyện Na Hang đã có chính sách của Công ty TNHH MTV Hiệp Hoàng, Công ty Cổ phần Chè Núi KiATăng liên kết với người nông dân từ trồng, chăm sóc, thu hoạch và bao tiêu sản phẩm, nên người dân không có nhu cầu vay vốn để hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết.

Về nội dung thực hiện hỗ trợ bình tuyến cây đầu dòng và xây dựng vườn ươm giống: Do trong quá trình triển khai thực hiện Đề án tại huyện Na Hang chưa có tổ chức, cá nhân nào đề xuất công nhận vườn cây đầu dòng cho cây chè đặc sản do vậy việc xây dựng vườn ươm chè tại địa phương cũng không triển khai thực hiện được. Vì theo quy định phải có vườn cây chè đầu dòng mới xây dựng vườn ươm để nhân giống chè.

Về nội dung hỗ trợ đánh giá và cấp chứng nhận VietGAP: Do diện tích chè đặc sản hiện có của huyện Na Hang là trồng rừng phòng hộ bằng cây chè Shan, mục đích chủ yếu là trồng rừng phòng hộ với mật độ trồng 2.500 cây/ha, năng suất chè thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao nên chưa có tổ chức, cá nhân đầu tư cải tạo, thâm canh cây chè Shan và đề nghị công nhận VietGAP.

b) Cây cam sành

- Về nội dung cho vay trồng mới, trồng lại, chăm sóc: Việc cho vay vốn theo chính sách chủ yếu thực hiện để đầu tư chăm sóc, rất ít hộ vay để đầu tư trồng mới (Tổng cho vay 4.367,3 triệu đồng/164 hộ, trong đó: Chăm sóc 4.317,3 triệu đồng/163 hộ/193,42 ha; trồng mới 50 triệu đồng/01 hộ/2,0 ha). Như vậy, việc vay vốn trồng mới bằng giống cam sành sạch bệnh chưa được người dân nhận thức đúng đắn và tham gia.

Nguyên nhân:

+ Địa phương chưa làm tốt công tác tuyên truyền về lợi ích, hiệu quả khi trồng giống cam sành sạch bệnh, nên đa số các hộ dân trồng mới cam sành bằng cành chiết theo truyền thống, tập quán từ trước đến nay, do đó không đủ điều kiện vay vốn theo chính sách.

+ Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo đã có dư nợ tại ngân hàng nên qua quá trình thẩm định không đủ điều kiện vay vốn hoặc số tiền được vay quá ít so với nhu cầu đầu tư.

+ Đa số các hộ có diện tích trồng cam sành lớn đã thực hiện đăng ký chứng nhận là kinh tế trang trại và đã vay vốn theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại (đến hết năm 2018, riêng huyện Hàm Yên đã có 102 trang trại trồng cam được vay vốn theo chính sách với tổng kinh phí 33,76 tỷ đồng).

- Về nội dung hỗ trợ vườn ươm cây giống: Hiện nay, chưa có tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện (về kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, ...) để xây dựng vườn ươm cây giống cam sành sạch bệnh.

- Về nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng kho lạnh bảo quản quả cam: Hiện nay, đã có một số hộ gia đình tự đầu tư xây dựng với quy mô nhỏ để thử nghiệm. Tuy nhiên, do công nghệ bảo quản còn hạn chế, sản phẩm nhanh thối, hỏng sau khi đưa ra khỏi kho bảo quản, đồng thời thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa đảm bảo nên chưa có tổ chức, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để mở rộng quy mô đầu tư xây dựng.

c) Cây mía

Trong quá trình triển khai chính sách đến nay kết quả thực hiện hỗ trợ đối với cây mía đạt rất thấp so với dự kiến của chính sách. Nguyên nhân do diện tích trồng mía nhỏ lẻ, manh mún, trong khi chính sách chỉ cho vay để đầu tư mua giống trồng mới. Mặt khác, hiện nay các hộ trồng mía chủ yếu ký hợp đồng liên kết và thực hiện chính sách hỗ trợ từ Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương thuận lợi hơn việc vay vốn từ ngân hàng. Ngoài ra, do thực tế một số cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên người dân đã tự phát chuyển đổi từ trồng mía sang trồng các loài cây như: Bưởi, cam,...

d) Con trâu

Được nhân dân đồng tình cao, nên đã có nhiều hộ vay vốn để mua trâu (chiếm 91,9% so với tổng số hộ vay vốn theo nghị quyết). Tuy nhiên, đa số các hộ đăng ký vay vốn là hộ nghèo, hộ cận nghèo đã có dư nợ ở ngân hàng nên qua quá trình thẩm định không đủ điều kiện vay vốn hoặc số tiền được vay quá ít so với nhu cầu đầu tư.

Trên thực tế ở một số địa phương, việc theo dõi và quản lý đàn trâu của các hộ vay vốn tại một số địa phương chưa thực hiện đúng Quy chế quản lý đàn trâu đực giống, trâu sinh sản; còn xảy ra tình trạng các hộ tự ý bán trâu khi chưa

hết thời hạn theo hợp đồng vay vốn, hoặc một số hộ hợp đồng vay vốn nuôi trâu sinh sản nhưng chuyển sang mua trâu đực giống và ngược lại.

e) Con cá

Nghị quyết số 16-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) đã định hướng phát triển mạnh nghề nuôi cá lồng theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Hiện nay, chính sách chỉ hỗ trợ nuôi cá VietGAP đối với nuôi cá tại ao, hồ nhỏ chủ yếu là nuôi các loài cá truyền thống, chưa hỗ trợ nuôi cá VietGAP đối với cá đặc sản; trong khi điều kiện tự nhiên của tỉnh có tiềm năng phát triển cá đặc sản, đồng thời cá đặc sản có giá trị kinh tế cao hơn nhiều so với cá truyền thống.

Trong thực tế sản xuất, để hạn chế tác động tiêu cực của dòng chảy của nước vào mùa mưa lũ, một số hộ nuôi cá đặc sản bằng lồng trên khu vực sông Lô đang sử dụng lồng nuôi có kích thước nhỏ hơn so với điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị quyết nên không đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ.

f) Xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại sản phẩm

Việc xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm chưa được nhiều các tổ chức, cá nhân tiếp cận (chỉ có 01 doanh nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ). Nguyên nhân:

- Việc hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm mới chỉ áp dụng được đối với những sản phẩm của 03 cây 02 con (*quy định tại khoản 1 Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết*) trong khi người dân còn có nhu cầu đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp khác.

- Việc sản xuất, kinh doanh đối với 3 cây, 2 con đa số do các hộ gia đình tự tổ chức sản xuất, chưa có nhiều hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia, trong khi đó việc xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm chỉ có HTX, doanh nghiệp hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh mới đủ năng lực, điều kiện để thực hiện.

2. Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021 theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

2.1. Kết quả thực hiện

Sau khi Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021 được ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì tổ chức triển khai thực hiện chính sách như sau:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Hướng dẫn liên ngành số 2325/HDLN-TC-KHĐT ngày 16/11/2017 về Ttrình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ cây giống lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021.

- Ban hành các văn bản triển khai thực hiện chính sách, khảo sát nhu cầu cây giống, đơn đốc tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, cấp chứng nhận nguồn gốc vật liệu nhân giống (*hạt giống, mầm mô*), nguồn gốc giống lô cây con theo quy định đối với cây giống sản xuất trong tỉnh. Kiểm tra giấy chứng nhận nguồn gốc giống lô cây con đối với cây giống sản xuất ngoài tỉnh. Vì vậy, toàn bộ cây giống thực hiện chính sách hỗ trợ năm 2018 đều có nguồn gốc xuất xứ đảm bảo đúng quy định.

- Kết quả thực hiện chính sách năm 2018: Số cây giống hỗ trợ 1.653.887 cây, diện tích được hỗ trợ 1.030,69ha (*trong đó: Keo lai nuôi cấy mô 915.216 cây, diện tích 626,86 ha; Keo tai tượng hạt nhập ngoại 738.672 cây, diện tích 404,53 ha*). Kinh phí thực hiện: 3.539,394 triệu đồng/694 hộ. Kế hoạch thực hiện năm 2019: Số cây giống hỗ trợ 1.639.443 cây, diện tích được hỗ trợ 1.074,9 ha (*trong đó: Keo lai nuôi cấy mô 1.289.764 cây, diện tích 883,4 ha; Keo tai tượng hạt nhập ngoại 349.679 cây, diện tích 191,5 ha*). Kinh phí thực hiện: 4.677,268 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu kèm theo)

2.2. Nhận xét, đánh giá

Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; cụ thể hóa mục tiêu Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hoá giai đoạn 2016-2025; thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Năm 2018, đã có 694 hộ gia đình được nhận hỗ trợ cây giống chất lượng cao để trồng 1.030,69 ha rừng, với tổng kinh phí hỗ trợ là 3.539,394 triệu đồng; chính sách hỗ trợ giúp người dân giảm bớt được chi phí đầu tư trồng rừng (*chi phí giống keo lai nuôi cấy mô là trên 4,0 triệu đồng/ha, keo tai tượng hạt nhập ngoại là trên 1,7 triệu đồng/ha*), tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho hộ dân được hưởng chính sách.

Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Công tác tuyên truyền về đối tượng, điều kiện thực hiện chính sách tại một số địa phương còn hạn chế, dẫn đến tình trạng đăng ký nhiều nhưng khi rà soát, xác minh để lập hồ sơ hỗ trợ thì nhiều diện tích không đủ điều kiện hỗ trợ, hoặc có xã không có người dân đăng ký nhận hỗ trợ (năm 2018 chỉ đạt 66,3 % so với số đăng ký).

- Việc kiểm tra, xác minh đối tượng, diện tích, ranh giới, vị trí lô khoảnh đối với từng hộ gia đình để lập hồ sơ hỗ trợ cây giống mất nhiều thời gian, vì vậy các Ban quản lý dự án bảo vệ rừng cơ sở chưa hoàn thành công tác chuẩn bị trồng rừng theo tiến độ.

- Với quy mô diện tích được hưởng chính sách 0,5 ha trở lên nhiều hộ không tiếp cận được (*do có nhiều diện tích nhỏ lẻ, manh mún...*).

PHẦN II

Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

1. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chính sách

1.1. Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Trong những năm gần đây, việc xây dựng nhãn hiệu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp đã và đang được người dân trên địa bàn tỉnh quan tâm; nhiều sản phẩm nông nghiệp của tỉnh đã được cấp nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký chất lượng sản phẩm và tăng cường quảng bá trong và ngoài tỉnh. Tính đến hết năm 2018, toàn tỉnh đã có 42 sản phẩm nông nghiệp được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, như: Cam sành Hàm Yên, Bưởi Xuân Vân, Gạo chất lượng cao Kim Phú, Gạo đặc sản Tân Trào, Miến dong Hợp Thành, Lạc Chiêm Hóa, Vịt bầu Minh Hương, Mật ong Tuyên Quang, Chè shan Kia Tăng Hồng Thái, Chè Ngân Sơn Trung Long, Chè Tân Thái 168, Đây là xu thế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa của tỉnh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Tuyên Quang. Do đó, đây là nội dung cần thiết khuyến khích, hỗ trợ người dân thực hiện.

Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã quy định nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm (*theo tiết d điểm 3.2 khoản 3 điều 1*). Tuy nhiên, nội dung này mới chỉ áp dụng được đối với những sản phẩm của 03 cây (*cây chè đặc sản, cây cam sành, cây mía*) và 02 con (*con trâu, con cá*) trong khi người dân còn có nhu cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa khác. Do đó, cần thiết bổ sung nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm áp dụng đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế.

Cây mía là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh; tỉnh hiện có 02 nhà máy đường (thuộc Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương) đã tạo ra vùng nguyên liệu mía đường trên 8.000 ha, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động nông thôn, tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Trong những năm qua, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với cây mía vẫn chưa phát huy được hiệu quả, số hộ trồng mía được hưởng lợi rất ít; nguyên nhân chính do diện tích trồng mía rất manh mún, trong khi chính sách chỉ hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư mua giống trồng mới. Hiện nay, cùng với sự khủng hoảng chung của

ngành mía đường, Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương đang gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm, do đó ảnh hưởng đến các chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu của công ty. Chính vì vậy, để góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt ngành mía đường của tỉnh; đồng thời khuyến khích người dân tiếp tục đầu tư trồng mới, trồng lại cây mía tạo vùng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy đường, giải quyết việc làm cho người dân vùng nông thôn, cần thiết phải sửa đổi chính sách cho vay đối với cây mía.

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình mưa bão, lũ lụt xảy ra thường xuyên và diễn biến phức tạp; đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của tỉnh. Thực tế hiện nay, nhiều hộ gia đình nuôi cá đặc sản bằng lồng, bè trên sông tại một số nơi thuộc khu vực thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn đang sử dụng lồng nuôi có kích cỡ nhỏ và đã hạn chế được thiệt hại khi mùa mưa bão. Tuy nhiên, chính sách quy định tại Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ hỗ trợ đối với lồng nuôi có kích thước 9 - 12m³. Do vậy, để phù hợp với tình hình thực tế, cần sửa đổi kích cỡ lồng nuôi khi quy định về điều kiện cho vay của chính sách.

Phát huy lợi thế, tiềm năng diện tích mặt nước ở các hồ thủy lợi, hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh, những năm gần đây hoạt động nuôi cá đặc sản bằng lồng đang phát triển mạnh. Hiện nay, cá đặc sản đang mang lại giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng nên được xác định là hướng phát triển kinh tế chủ lực của nhiều địa phương. Chính sách quy định tại Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh là một trong những giải pháp quan trọng tạo đà cho hoạt động nuôi cá đặc sản bằng lồng phát triển. Nhằm khuyến khích người dân nuôi cá đặc sản theo hướng hàng hóa tập trung, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm đồng thời góp phần bảo vệ môi trường; cần thiết bổ sung nội dung chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay và chi phí đánh giá cấp Giấy chứng nhận nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo VietGAP.

1.2. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

Với chủ trương xác định lâm nghiệp là mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh; đồng thời cây gỗ rừng trồng cũng chính là một trong những sản phẩm chủ lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao chính là một trong những giải pháp quan trọng để hỗ trợ người dân trồng rừng. Tuy nhiên, trên thực tế, diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình đang quản lý, sử dụng khá nhỏ lẻ, manh mún, không đủ diện tích 0,5 ha như quy định của Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Do đó, khi triển khai thực hiện, nhiều hộ gia đình không đủ điều kiện để được hưởng chính sách.

Mặt khác, theo quy định tại điểm 3, điều 2, Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (Luật số 16/2017/QH14) quy định rừng có diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên.

Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho nhiều hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách, đồng thời phù hợp với quy định hiện nay về rừng, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung diện tích đất lâm nghiệp tối thiểu để được tham gia thực hiện chính sách.

2. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung

2.1. Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Bổ sung nội dung Phạm vi điều chỉnh:

Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp (đối với nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm).

b) Sửa đổi nội dung hỗ trợ đối với cây mía quy định tại Mục 3 Phụ lục 1:

- Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Hộ trồng mía ký hợp đồng phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy đường; Quy mô diện tích $\geq 0,2$ ha/hộ.

- Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất: Định mức cho vay 50 triệu đồng/ha; Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ.

- Thời gian cho vay tối đa: 12 tháng (1 năm)

- Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)

- Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay: 100%.

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ đối với con cá quy định tại Mục 5 Phụ lục 1 và Mục 3 Phụ lục 2:

- Sửa đổi điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay quy định về kích thước lồng nuôi đối với nội dung Nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi quy định tại Phụ lục 1: Từ "Lồng nuôi có kích thước 9-12m³: Quy mô dự án ≥ 2 lồng/hộ" sửa đổi thành "Tổng dung tích lồng nuôi $\geq 18m^3$ ".

- Bổ sung nội dung hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP:

+ Điều kiện được hưởng lãi suất tiền vay: Tỷ lệ cá đặc sản chiếm $\geq 50\%$ tổng dung tích lồng nuôi của hộ gia đình; quy mô: $\geq 100m^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên sông); $\geq 500m^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên hồ thủy điện).

+ Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất: Tối đa 1.000 triệu đồng/hộ.

+ Thời gian cho vay tối đa: 36 tháng (3 năm).

+ Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm).

+ Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay: 70%.

- Bổ sung nội dung hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP:

+ Điều kiện được hỗ trợ: Tỷ lệ cá đặc sản chiếm $\geq 50\%$ tổng dung tích lồng nuôi của hộ gia đình; quy mô: $\geq 100m^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên sông); $\geq 500m^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên hồ thủy điện).

+ Mức hỗ trợ 01 lần: Tối đa 365 triệu đồng/sản phẩm.

2.2. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

Sửa đổi nội dung Điều kiện hỗ trợ: Có từ 0,3 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất.

3. Kinh phí thực hiện

Dự kiến nguồn kinh phí tăng thêm sau khi sửa đổi, bổ sung chính sách (thực hiện trong 03 năm): **35.000,0 triệu đồng.**

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TP;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các Chi cục: PTNT; TS, KL;
- Phòng KH-TC; VP Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Việt

Biểu 01:

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2014/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH ĐẾN HẾT NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày /3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả giải ngân thực hiện															
			Khối lượng								Kinh phí (Triệu đồng)							
			Tổng	Huyện							Tổng	Huyện						
				Lâm Bình	Na Hang	Chiêm Hóa	Hàm Yên	Yên Sơn	Sơn Dương	TP TQ		Lâm Bình	Na Hang	Chiêm Hóa	Hàm Yên	Yên Sơn	Sơn Dương	TP TQ
	Tổng										195.688,30	25.684,00	39.565,00	45.572,80	15.041,50	39.400,00	27.680,00	2.745,00
1	Con trâu	Con									177.544,00	25.134,00	34.382,00	42.220,00	10.373,00	37.485,00	25.900,00	2.050,00
1.1	Trâu sinh sản	Con	7.132	884	1.261	1.858	452	1.730	869	78	156.609,00	20.589,00	31.132,00	40.240,00	8.063,00	35.335,00	19.550,00	1.700,00
1.2	Trâu đực giống	Con	422	92	65	40	47	44	127	7	20.935,00	4.545,00	3.250,00	1.980,00	2.310,00	2.150,00	6.350,00	350,00
2	Cây mía	Ha	6,18		1,5	4,68					81,00		15,00	66,00				
3	Cây cam										4.367,30	-	-	1.623,80	2.743,50	-	-	-
3.1	Trồng mới, trồng lại	Ha	2,00			2,0					50,00			50,00				
3.2	Chăm sóc	Ha	193,42			77,22	116,20				4.317,30	-	-	1.573,80	2.743,50	-	-	-
4	Cây chè		1		1						50,00		50,00					
4.1	Trồng mới	Ha									-							
4.2	Mua máy sao chè	Cái			1						50,00		50,00					
5	Cá										13.548,00	550,00	5.020,00	1.663,00	1.925,00	1.915,00	1.780,00	695,00
5.1	Nuôi cá đặc sản bằng lồng (9-12m ³)	Lồng	291	26	49	60	60	36	41	19	9.718,00	550,00	2.820,00	1.663,00	1.175,00	1.915,00	900,00	695,00
5.2	Nuôi cá đặc sản bằng lồng (108m ³)	Lồng	6		6						2.200,00		2.200,00					
5.3	Nuôi cá ao, hồ nhỏ theo VietGAP	MH	14				11		3		1.630,00				750,00		880,00	
6	XD nhãn hiệu, XTTM sản phẩm	SP	1		1						98,00		98,00					

Biểu 02:

KINH PHÍ HỖ TRỢ LÃI SUẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2014/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH ĐẾN HẾT NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 94 /BC-SNN ngày 21/3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Văn bản	Tổng	Huyện, thành phố						
			Lâm Bình	Na Hang	Chiêm Hóa	Hàm Yên	Yên Sơn	Sơn Dương	TP Tuyên Quang
1	Thông báo số 273/TB-STC ngày 7/4/2015 của Sở Tài chính về việc tạm ứng kinh phí thực hiện chính sách về thị trường theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2015	2.017,00		299,00	100,00	1.435,00	183,00		
2	Quyết định 901/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 1)	953,19	386,85		177,72	55,70	186,99	145,93	
3	Quyết định 1676/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 2)	2.400,02	728,18	511,67	269,16	99,31	361,23	430,46	

STT	Văn bản	Tổng	Huyện, thành phố						TP Tuyên Quang
			Lâm Bình	Na Hang	Chiêm Hóa	Hàm Yên	Yên Sơn	Sơn Dương	
4	Quyết định 296/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 3)	2.804,78	713,54	338,20	503,03	156,48	618,83	474,70	
5	Quyết định 1550/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 4)	3.783,54	702,24	406,55	861,26	235,04	851,44	727,02	
6	Quyết định 668/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 5)	3.863,35	724,41	593,19	1.058,37		935,12	552,27	

STT	Văn bản	Tổng	Huyện, thành phố						
			Lâm Bình	Na Hang	Chiêm Hóa	Hàm Yên	Yên Sơn	Sơn Dương	TP Tuyên Quang
7	Quyết định 997/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 6)	2.988,99	358,31	339,02	616,11	395,43	499,49	553,35	227,28
8	Quyết định 1646/QĐ-UBND ngày 30/12/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đợt 7)	2.505,59	319,71		1.234,59	126,17	451,78	373,34	
Tổng		21.316,46	3.933,24	2.487,62	4.820,25	2.503,13	4.087,87	3.257,07	227,28

Biểu 03:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIỒNG CÂY LÂM NGHIỆP CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 94 /BC-SNN ngày 21/3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)
Tổng số			1.653.887	694	1.030,69	3.879.156.344
1	Hỗ trợ cây giống	Cây				3.397.619.762
2	Hỗ trợ vận chuyển	Đồng				90.239.606
3	Hỗ trợ khảo sát	Đồng				51.535.000
4	Chi phí quản lý	Đồng				339.761.976

Biểu 04:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ GIỒNG CÂY LÂM NGHIỆP CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 84 /BC-SNN ngày 21/3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Đơn vị	Diện tích (ha)		
		Tổng	Keo lai mô	Keo tai tượng
1	BQL Dự án Bảo vệ & PTR phòng hộ Na Hang	23,80	12,80	11,00
2	BQL Dự án Bảo vệ & PTR đặc dụng Na Hang	8,10		8,10
3	BQL Dự án Bảo vệ & PTR phòng hộ Lâm Bình	60,00	6,20	53,80
4	BQL Dự án Bảo vệ & PTR huyện Hàm Yên	250,00	200,00	50,00
5	BQL Dự án Bảo vệ & PTR huyện Chiêm Hóa	153	146	7
6	BQL Dự án Bảo vệ & PTR ĐD, vùng ATK, huyện Sơn Dương	5,20	5,20	
7	BQL Dự án Bảo vệ & PTR huyện Sơn Dương	37,50	37,50	
8	BQL Dự án Bảo vệ & PTR thành phố Tuyên Quang	24,03	19,03	5,00
9	BQL Dự án Bảo vệ & PTR huyện Yên Sơn	512,94	456,70	56,24
TỔNG CỘNG		1.074,90	883,39	191,51

BẢNG TỔNG HỢP

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2014/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH

I. Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
Nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Giải trình lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Đề nghị bổ sung khoản 1 Phạm vi điều chỉnh:</p> <p>Cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh được sản xuất theo hướng hàng hoá tập trung, có thị trường tiêu thụ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây chè đặc sản (<i>Shan tuyết, Kim tuyên, Phúc vân tiên</i>). - Cây mía. - Cây cam sành. - Trâu sinh sản, trâu đực giống. - Cá đặc sản (<i>cá Chiên, cá Lăng Chấm, cá Bống, cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tâm</i>). 	<p>Cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh được sản xuất theo hướng hàng hoá tập trung, có thị trường tiêu thụ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây chè đặc sản (<i>Shan tuyết, Kim tuyên, Phúc vân tiên</i>). - Cây mía. - Cây cam sành. - Trâu sinh sản, trâu đực giống. - Cá đặc sản (<i>cá Chiên, cá Lăng Chấm, cá Bống, cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tâm</i>). - Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp (đối với nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm)". 	<p>Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn nhiều sản phẩm hàng hóa nông nghiệp có tiềm năng, lợi thế phát triển; có nhu cầu được xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm, xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Tuy nhiên, theo Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND mới chỉ hỗ trợ đối với các sản phẩm của 03 cây 02 con. Do đó, cần bổ sung sản phẩm hàng hóa nông nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ cho phù hợp với tình hình thực tế.</p>
<p>Đề nghị sửa đổi nội dung Hỗ trợ đầu tư giống để trồng mới quy định tại Phụ lục 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Hộ trồng mía ký hợp đồng phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy đường; Quy mô diện tích $\geq 0,2$ ha/hộ. - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất: Định mức cho vay 10 triệu đồng/ha; Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ. - Thời gian cho vay tối đa: 12 tháng (1 năm) - Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm) - Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay: Hộ nghèo: 100%; Hộ cận nghèo: 70%; Hộ khác: 50%. 	<p>Hỗ trợ đầu tư để trồng mới mía:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Hộ trồng mía ký hợp đồng phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy đường; Quy mô diện tích $\geq 0,2$ ha/hộ. - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất: Định mức cho vay 40 triệu đồng/ha; Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ. - Thời gian cho vay tối đa: 12 tháng (1 năm) - Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm) - Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay: 100%. 	<p>Chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với cây mía vẫn chưa phát huy được hiệu quả, số hộ trồng mía được hưởng lợi rất ít; nguyên nhân chính do diện tích trồng mía rất manh mún, trong khi chính sách chỉ hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư mua giống trồng mới. Hiện nay, cùng với sự khủng hoảng chung của ngành mía đường, Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương đang gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm, do đó ảnh hưởng đến các chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu của công ty. Chính vì vậy, để góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt của ngành mía đường của tỉnh, đồng thời khuyến khích người dân tiếp tục đầu tư trồng mới, trồng lại cây mía tạo vùng nguyên liệu ổn</p>

		định cho các nhà máy đường, cần thiết phải sửa đổi chính sách cho vay đối với cây mía.
<p>Đề nghị sửa đổi nội dung Nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi quy định tại Phụ lục 1:</p> <p>Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Lồng nuôi có kích thước 9-12m³; Quy mô dự án ≥ 2 lồng/hộ. 	<p>Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Tổng dung tích lồng nuôi ≥ 18m³. 	<p>Thực tế hiện nay, nhiều hộ gia đình nuôi cá lồng, bè trên sông tại một số khu vực (thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn) đang sử dụng lồng có kích cỡ nhỏ hơn 9-12m³ nên đã hạn chế được thiệt hại vào mùa bão do tốc độ dòng chảy mạnh, xiết. Vì vậy, đề nghị sửa đổi điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay tính theo tổng dung tích lồng nuôi là ≥ 18m³ (tương đương với 3 lồng loại 6m³).</p>
<p>Đề nghị bổ sung nội dung hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với Nuôi cá bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP</p>	<p>Nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện được hưởng lãi suất tiền vay: Tỷ lệ cá đặc sản chiếm ≥ 50% tổng dung tích lồng nuôi của hộ gia đình; quy mô: ≥ 100m³ (đối với nuôi cá bằng lồng trên sông); ≥ 500m³ (đối với nuôi cá bằng lồng trên hồ thủy điện). - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất: Tối đa 1.000 triệu đồng/hộ. - Thời gian cho vay tối đa: 36 tháng (3 năm) - Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm) - Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay: 70%. 	<p>Nhằm khuyến khích người dân nuôi cá lồng (chủ yếu là cá đặc sản) theo hướng hàng hóa tập trung, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.</p>

<p>Đề nghị bổ sung nội dung Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP</p>	<p>Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện được hỗ trợ: Tỷ lệ cá đặc sản chiếm $\geq 50\%$ tổng dung tích lồng nuôi của hộ gia đình; quy mô: $\geq 100m^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên sông); $\geq 500m^3$ (đối với nuôi cá bằng lồng trên hồ thủy điện). - Mức hỗ trợ 01 lần: Tối đa 365 triệu đồng/sản phẩm. 	<p>Nhằm khuyến khích người dân nuôi cá đặc sản theo hướng hàng hóa tập trung, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.</p>
---	--	---

II. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

<p>Nội dung Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND đề nghị sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Giải trình lý do sửa đổi, bổ sung</p>
<p>Sửa đổi tiết a điểm 3.2 khoản 3 điều 1 Điều kiện hỗ trợ: a) Có từ 0,5 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất.</p>	<p>a) Có từ 0,3 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất.</p>	<p>Thời điểm xây dựng Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh, căn cứ tiết a điểm 2.2.2 khoản 2.2 mục 2 Quy phạm Kỹ thuật của Ngành (04TCN128-2006 ban hành kèm theo Quyết định 4108QĐ/BNN-KHCN ngày 29/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) quy định 1 lô rừng phải có diện tích từ 0,5 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên.</p> <p>Tuy nhiên, tại điểm 3 điều 2 Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (Luật số 16/2017/QH14) quy định rừng có diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên.</p>

